TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TÂN THẠNH** **TỈNH LONG AN** ----------	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 15/2021/DS-ST
Ngày: 31-3-2021
"Về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN THẠNH, TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Đặng Nguyễn Phương Chi

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Ngọc Nhuận

2. Ông Ngô Khắc Tâm

- Thư ký phiên toà: Bà Lê Thị Diễm Thúy - Thư ký Toà án nhân dân huyện Tân Thạnh, tỉnh Long An

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Thạnh tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Kim The - Kiểm sát viên

Ngày 31 tháng 3 năm 2021, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Tân Thạnh, tỉnh Long An xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 279/2020/TLST-DS ngày 15 tháng 10 năm 2020 về tranh chấp hợp đồng vay tài sản theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 13/2021/QĐXXST-DS ngày 17 tháng 02 năm 2021, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: **Ngân hàng C**

Địa chỉ: Số 169 phố L1, H2, M, thành phố Hà Nội

* Người đại diện theo ủy quyền: ông T - Phó Giám đốc Phòng Giao dịch Ngân hàng C1 phụ trách Phòng Giao dịch Ngân hàng C huyện T (theo Quyết định số 7300/QĐ-NHCS ngày 19/9/2019 của Tổng Giám đốc Ngân hàng C về việc ủy quyền tham gia tố tụng và thi hành án)

2. Bị đơn: **Ông L**, sinh năm: 1974

Địa chỉ: ấp B, xã N, huyện T, tỉnh Long An

3. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

Bà Đ, sinh năm: 1976

Địa chỉ: ấp B, xã N, huyện T, tỉnh Long An

(Ông T, bà Đ có mặt tại phiên tòa; ông L vắng mặt không lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Theo đơn khởi kiện và bản tự khai ngày 13/10/2020, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn - ông Huỳnh T trình bày:**

Ông L có vay vốn tại Phòng Giao dịch Ngân hàng C huyện T, cụ thể như sau:

- Ngày 05/6/2010, ông L vay vốn chương trình hộ nghèo về nhà ở theo mã món vay số 6000005400126543, số tiền vay 8.000.000 đồng, lãi suất 0,25%/tháng, lãi suất nợ quá hạn bằng 130% lãi suất khi cho vay, thời hạn vay 120 tháng, định kỳ trả nợ gốc 12 tháng/lần, số tiền trả nợ gốc 1.600.000 đồng/lần, ngày bắt đầu trả nợ là ngày 05/6/2016, hạn trả nợ cuối cùng là ngày 05/6/2020, gia hạn trả nợ đến ngày 05/10/2020. Đến nay vợ chồng ông L, bà Đ chưa trả nợ cho Ngân hàng. Vì vậy, Ngân hàng C yêu cầu vợ chồng ông L, bà Đ có nghĩa vụ liên đới trả cho Ngân hàng số tiền gốc là 8.000.000 đồng và tiền lãi phát sinh.

- Ngày 05/6/2019, ông L vay vốn chương trình hộ mới thoát nghèo theo mã món vay số 6600000715462652, số tiền vay 50.000.000 đồng, lãi suất 8,25%/năm, lãi suất nợ quá hạn bằng 130% lãi suất khi cho vay, mục đích vay để cải tạo đất ruộng, thời hạn vay 60 tháng, định kỳ trả nợ gốc 12 tháng/lần, số tiền gốc trả nợ 10.000.000 đồng/lần, ngày bắt đầu trả nợ gốc là ngày 05/6/2020, hạn trả nợ cuối cùng là ngày 05/6/2024. Nay ông L, bà Đ đã chuyển nhượng 4.769m^2 đất ruộng, sử dụng vốn vay không đúng mục đích ban đầu. Vì vậy, Ngân hàng C yêu cầu vợ chồng ông L, bà Đ có nghĩa vụ liên đới trả cho Ngân hàng số tiền gốc là 50.000.000 đồng và tiền lãi phát sinh.

- Ngày 05/10/2019, ông L vay vốn chương trình nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn theo mã món vay số 6600000716296436, số tiền vay 20.000.000 đồng, lãi suất 9%/năm, lãi suất nợ quá hạn bằng 130% lãi suất khi

cho vay, thời hạn vay 60 tháng, định kỳ trả nợ gốc 06 tháng/lần, số tiền trả nợ gốc 2.000.000 đồng/lần, ngày bắt đầu trả nợ gốc là ngày 05/4/2020, hạn trả nợ cuối cùng là ngày 05/10/2024. Đến thời điểm khởi kiện, vợ chồng ông L, bà Đ đã vi phạm 02 kỳ trả nợ với số tiền 4.000.000 đồng. Vì vậy, Ngân hàng C yêu cầu vợ chồng ông L, bà Đ có nghĩa vụ liên đới trả cho Ngân hàng số tiền gốc vi phạm trong 02 kỳ là 4.000.000 đồng và tiền lãi phát sinh.

Như vậy Ngân hàng C yêu cầu vợ chồng ông L, bà Đ có nghĩa vụ liên đới trả cho Ngân hàng tổng số tiền gốc là 62.000.000 đồng và tiền lãi phát sinh theo quy định.

* **Ông L là bị đơn, bà Đ là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan** vắng mặt trong các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải. Ông L, bà Đ cũng không cung cấp văn bản ghi ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa sơ thẩm,

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là ông Huỳnh T rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với khoản vay nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn với số tiền gốc yêu cầu khởi kiện là 4.000.000 đồng và tiền lãi phát sinh. Bị đơn - ông L vắng mặt không lý do. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan - bà Đ có mặt tại phiên tòa và trình bày ý kiến đồng ý trả nợ theo yêu cầu của nguyên đơn nhưng xin trả dần mỗi tháng trả 5.000.000 đồng cho đến khi trả hết số tiền nợ. Tuy nhiên, ông T không đồng ý đề nghị trả nợ dần của bà Đ.

<u>Đại diện Viện kiểm sát nhân dân phát biểu ý kiến</u>:

1. Việc tuân theo pháp luật tố tụng:

* *Việc tuân theo pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử:*

Thẩm phán xác định đúng quan hệ pháp luật tranh chấp đây là *"Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*" theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự (BLTTDS), thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tân Thạnh theo điểm a khoản 1 Điều 35 BLTTDS. Thời hạn chuẩn bị xét xử: đảm bảo theo quy định tại khoản 1 Điều 203 BLTTDS. Các thủ tục cấp, tống đạt văn bản tố tụng cho đương sự và Viện kiểm sát đúng quy định tại chương X

BLTTDS. Việc xác định tư cách đương sự trong vụ án thực hiện đúng quy định tại Điều 68 BLTTDS. Thẩm phán tiến hành lấy lời khai của đương sự thực hiện đúng theo quy định tại Điều 96, 97 BLTTDS. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã mở phiên họp kiểm tra việc nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải đúng quy định tại các Điều 94, 95, 96, 97, 109, 208 BLTTDS.

** Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký tại phiên tòa:*

Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân theo đúng các quy định của BLTTDS về việc xét xử sơ thẩm vụ án, đảm bảo các nguyên tắc xét xử. Tại phiên tòa, thành phần Hội đồng xét xử có thay đổi so với quyết định đưa vụ án ra xét xử nhưng vẫn đảm bảo theo quy định, những người tham gia phiên tòa đảm bảo đúng quy định. Thủ tục bắt đầu phiên tòa đảm bảo theo quy định BLTTDS. Quá trình tranh tụng tại phiên tòa đảm bảo công khai dân chủ và được tiến hành theo sự điều khiển của chủ tọa phiên tòa. Nội dung và phương thức tranh tụng tại phiên tòa đảm bảo quy định tại Điều 247 BLTTDS.

** Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng:*

Nguyên đơn chấp hành đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình theo quy định tại Điều 70, 71 BLTTDS. Bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chưa chấp hành đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình theo quy định tại Điều 70, 72, 73 BLTTDS.

2. Ý kiến về việc giải quyết vụ án:

Theo đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn Ngân hàng C yêu cầu ông L và bà Đ có nghĩa vụ liên đới trả nợ Ngân hàng C số tiền gốc là 62.000.000 đồng và lãi phát sinh. Bị đơn; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt trong các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nên không thể hiện ý kiến đối với yêu cầu của nguyên đơn.

Tại phiên tòa, nguyên đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện. Cụ thể: rút yêu cầu khởi kiện đối với khoản vay chương trình Nước sạch và vệ sinh môi trường trễ hạn 02 kỳ số tiền nợ là 4.000.000 đồng và tiền lãi phát sinh. Người

có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Đ đồng ý trả số nợ theo yêu cầu của nguyên đơn nhưng xin trả dần do hoàn cảnh gia đình khó khăn.

Qua nghiên cứu hồ sơ vụ án, các tài liệu, chứng cứ đã được HĐXX xem xét tại phiên tòa nhận thấy:

Nguyên đơn khởi kiện đã cung cấp đầy đủ tài liệu chứng cứ chứng minh về việc bị đơn là ông L có vay vốn tại Phòng giao dịch Ngân hàng C huyện T và hiện còn nợ Ngân hàng cụ thể như sau:

Ngày 05/6/2010, vay vốn chương trình hộ nghèo về nhà ở, số tiền còn nợ: 8.000.000 đồng, hạn trả nợ cuối cùng ngày 05/10/2020. Tuy nhiên, từ khi hết thời hạn trả nợ khoản vay trên đến nay ông L và bà Đ không thực hiện việc trả nợ gốc và lãi cho Ngân hàng theo quy định.

Ngày 05/6/2019, vay vốn chương trình hộ mới thoát nghèo, số tiền còn nợ: 50.000.000 đồng, hạn trả nợ cuối cùng ngày 05/6/2024. Đối với khoản vay này, qua kiểm tra của Ngân hàng thì hiện nay ông L và bà Đ đã sử dụng 50.000.000 đồng vốn vay sai mục đích. Bởi vì, mục đích vay là để cải tạo đất lúa nhưng thực tế phần đất lúa đó không làm gì và hiện tại ông L và bà Đ đã bán phần đất lúa đó cho người khác.

Về phía bị đơn ông L và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Đ sau khi thụ lý vụ án, Tòa án nhân dân huyện Tân Thạnh đã thực hiện việc cấp tống đạt văn bản tố tụng thủ tục niêm yết công khai đúng theo quy định nhưng ông L và bà Đ vẫn không đến Tòa án để tham gia tố tụng giải quyết vụ án nên trong hồ sơ vụ án không có văn bản nào thể hiện ý kiến của ông bà về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Tại phiên tòa bà Đ trình bày ý kiến đồng ý trả số nợ theo yêu cầu của nguyên đơn nhưng xin trả dần do hoàn cảnh gia đình khó khăn không có khả năng trả một lần cho Ngân hàng. Xét thấy, số nợ vay trên ông L là người đứng tên vay. Tuy nhiên, thời điểm vay thì hôn nhân giữa ông L và bà Đ vẫn còn tồn tại, đồng thời tại giấy ủy quyền ngày 24/4/2017 thể hiện việc bà Đ đã ủy quyền cho ông L đại diện thực hiện đứng tên người vay và thực hiện các giao dịch với Ngân hàng C theo quy định cho nên đối với số nợ tại Ngân hàng C được xem là nợ chung của ông L và bà Đ theo quy định tại Điều 288 Bộ luật dân sự

năm 2015. Do đó, có cơ sở chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc ông L và bà Đ có nghĩa vụ liên đới hoàn trả cho Ngân hàng C số tiền gốc 58.000.000 đồng là phù hợp với quy định tại Điều 466 của Bộ luật dân sự năm 2015 và tiền lãi từ ngày 06/3/2021 đến ngày 31/3/2021 đối với hai khoản vay trên là 1.738.387 đồng và tiền lãi từ ngày 01/4/2021 đến khi trả xong nợ với mức lãi suất theo quy định của Ngân hàng C.

Từ những phân tích trên căn cứ Điều 288, Điều 463, Điều 466 và Điều 357, Điều 468 Bộ luật dân sự 2015, đề nghị HĐXX tuyên:

- Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện đối với khoản vay chương trình Nước sạch và vệ sinh môi trường trễ hạn 02 kỳ số tiền nợ là 4.000.000 đồng.

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối khoản vay chương trình Hộ nghèo về nhà ở số tiền còn nợ là 8.000.000 đồng và khoản vay chương trình Hộ mới thoát nghèo số tiền còn nợ là 50.000.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Tranh chấp hợp đồng vay tài sản giữa các đương sự là tranh chấp về dân sự nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

Tại phiên tòa, bị đơn là ông L vắng mặt không lý do. Tuy nhiên ông L đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai để tham gia phiên tòa nhưng ông L vẫn vắng mặt. Ông L, bà Đ đã được Tòa án tống đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án; thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ; quyết định đưa vụ án ra xét xử; quyết định hoãn phiên tòa nhưng ông L vẫn vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng tại Tòa án. Riêng bà Đ nhiều lần vắng mặt trong các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng có mặt tại phiên tòa. Vì vậy, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông L theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa, nguyên đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với khoản vay nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn với số tiền gốc yêu cầu khởi kiện là 4.000.000 đồng và tiền lãi phát sinh. Việc rút một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là hoàn toàn tự nguyện, không bị ai ép buộc. Vì vậy Hội đồng xét xử cần đình chỉ giải quyết một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[2] Về nội dung:

Căn cứ vào tất cả các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án có cơ sở xác định trước đây ông L có vay vốn tại Phòng Giao dịch Ngân hàng C huyện T các khoản vay: khoản vay hộ nghèo về nhà ở, khoản vay hộ mới thoát nghèo, khoản vay nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn. Tại phiên tòa, nguyên đơn rút yêu cầu khởi kiện đối với khoản vay nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn. Như vậy còn lại yêu cầu khởi kiện đối với khoản vay hộ nghèo về nhà ở và khoản vay hộ mới thoát nghèo.

Theo hồ sơ vay vốn thể hiện:

- Vào ngày 05/6/2010, ông L (người vay) và bà Đ (người thừa kế) có ký giấy đề nghị vay vốn của Ngân hàng C để vay 8.000.000 đồng (theo chương trình cho vay hộ nghèo về nhà ở). Ngày trả nợ cuối cùng là ngày 05/6/2020, gia hạn trả nợ đến ngày 05/10/2020. Đến nay đã quá thời hạn trả nợ nhưng ông L, bà Đ vẫn không thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng. Vì vậy, Hội đồng xét xử cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về số tiền gốc yêu cầu trả nợ là 8.000.000 đồng.

Về số tiền lãi: căn cứ vào mức lãi suất thỏa thuận khi vay vốn, bảng tính tiền lãi của Ngân hàng C thì số tiền lãi của khoản vay hộ nghèo về nhà ở mà ông L, bà Đ chưa trả cho Ngân hàng tính đến ngày 31/3/2021 là 45.305 đồng. Xét thấy yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng là phù hợp nên được chấp nhận.

- Vào ngày 05/6/2019, ông L có ký giấy đề nghị vay vốn của Ngân hàng C để vay 50.000.000 đồng (theo chương trình hộ mới thoát nghèo), mục đích vay là để cải tạo đất ruộng. Ngày trả nợ cuối cùng là ngày 05/6/2024. Theo nội dung thỏa thuận về quyền và nghĩa vụ của các bên trong sổ vay vốn thì bên cho

vay có quyền "chấm dứt việc cho vay, thu hồi nợ trước hạn khi phát hiện hộ vay cung cấp thông tin sai sự thật, sử dụng vốn vay sai mục đích"; còn hộ vay phải có nghĩa vụ "sử dụng tiền vay đúng mục đích và thực hiện đúng các nội dung khác đã thỏa thuận trong sổ vay vốn". Căn cứ vào Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất được công chứng vào ngày 08/10/2020 giữa bên chuyển nhượng là ông L, bà Đ và bên nhận chuyển nhượng là ông G thể hiện ông L và bà Đ đã chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho ông G diện tích 4.769m^2 đất chuyên trồng lúa nước thuộc thửa 130, tờ bản đồ số 7, đất tọa lạc tại ấp B, xã N, huyện T, tỉnh Long An. Ngoài ra, căn cứ vào văn bản số 895/CNVPĐKĐĐ ngày 11/11/2020 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai tại huyện T cung cấp thông tin xác định: ông L và bà Đ đã chuyển nhượng quyền sử dụng đất diện tích 4.769m^2 thuộc thửa 130, tờ bản đồ số 7, đất tọa lạc tại ấp B, xã N, huyện T, tỉnh Long An cho ông G. Thủ tục chuyển nhượng đã hoàn thành chỉnh lý biến động ngày 28/10/2020. Người nhận chuyển nhượng đã được đứng tên trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Ngoài phần đất chuyên trồng lúa nước (đất ruộng) mà ông L, bà Đ đã chuyển nhượng cho ông Giàu thì ông L, bà Đ không còn phần đất ruộng nào khác; ông L, bà Đ chỉ còn phần diện tích đất 80m^2 loại đất ONT thuộc thửa 166, tờ bản đồ số 7 và phần diện tích đất 1.985m^2 loại đất CLN thuộc thửa 156, tờ bản đồ số 7, đất tọa lạc tại ấp B, xã N, huyện T, tỉnh Long An. Theo bản tự khai ngày 18/11/2020 của ông Huỳnh T xác định khoản vay 50.000.000 đồng cho ông L vay theo chương trình hộ mới thoát nghèo, mục đích vay là để cải tạo đất trồng lúa diện tích 4.769m^2 và theo quy định của Phòng Giao dịch Ngân hàng C huyện T là cho vay để cải tạo đất ruộng trên địa bàn huyện T. Căn cứ vào các chứng cứ nêu trên có đủ cơ sở xác định ông L, bà Đ hiện đã chuyển nhượng toàn bộ diện tích đất trồng lúa 4.769m^2 tọa lạc tại ấp B, xã N, huyện T, tỉnh Long An. Ông L, bà Đ đã sử dụng vốn vay sai mục đích, vi phạm những nội dung đã thỏa thuận khi vay vốn. Vì vậy, Hội đồng xét xử cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về số tiền gốc yêu cầu trả nợ là 50.000.000 đồng.

Về số tiền lãi: căn cứ vào mức lãi suất thỏa thuận khi vay vốn, bảng tính tiền lãi của Ngân hàng C thì số tiền lãi của khoản vay hộ mới thoát nghèo mà ông L, bà Đ chưa trả cho Ngân hàng tính đến ngày 31/3/2021 là 1.693.082 đồng. Xét thấy yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng là phù hợp nên được chấp nhận.

Về nghĩa vụ trả nợ: xét thấy tuy ông L là người ký tên để vay vốn (người vay), còn bà Đ - vợ ông L là người ký tên tại mục người thừa kế nhưng việc vay vốn mục đích để xây nhà và cải tạo đất ruộng là tài sản chung của vợ chồng, đây là khoản nợ phát sinh trong thời kỳ hôn nhân của ông L và bà Đ. Hơn nữa tại giấy ủy quyền ngày 24/4/2017, bà Đ ủy quyền cho ông L thực hiện đứng tên người vay và thực hiện các giao dịch với Ngân hàng Cxã hội, đồng thời ông L và bà Đ cam kết chịu trách nhiệm đối với toàn bộ các khoản vay tại Ngân hàng Cxã hội. Vì vậy, ông L, bà Đ phải có nghĩa vụ liên đới trả nợ cho Ngân hàng Cxã hội.

Sau khi Tòa án thụ lý vụ án, ông L, bà Đ đã được Tòa án tống đạt hợp lệ tất cả các văn bản tố tụng nhưng ông L, bà Đ nhiều lần không đến Tòa án tham gia tố tụng và cũng không cung cấp văn bản ghi ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Hội đồng xét xử xét thấy Ngân hàng Cxã hội khởi kiện và đã cung cấp được chứng cứ để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện là hồ sơ vay vốn có chữ ký người vay L, người thừa kế Đ. Tại phiên tòa, ông L vắng mặt không lý do, bà Đ có mặt và trình bày ý kiến đồng ý trả nợ theo yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Cxã hội nhưng xin được trả dần mỗi tháng trả 5.000.000 đồng cho đến khi trả hết số tiền nợ. Tuy nhiên ông Tín không đồng ý đề nghị trả nợ dần của bà Đ. Do vậy Hội đồng xét xử cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng C buộc ông L và bà Đ có nghĩa vụ liên đới trả cho Ngân hàng C số tiền gốc là 58.000.000 đồng (trong đó số tiền gốc khoản vay hộ nghèo về nhà ở là 8.000.000 đồng, số tiền gốc khoản vay hộ mới thoát nghèo là 50.000.000 đồng) và tiền lãi là 1.738.387 đồng (trong đó số tiền lãi khoản vay hộ nghèo về nhà ở là 45.305 đồng, số tiền lãi khoản vay hộ mới

thoát nghèo là 1.693.082 đồng). Tổng cộng tiền gốc và tiền lãi là 59.738.387 đồng.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ngân hàng C không phải nộp tiền tạm ứng án phí, không phải chịu án phí.

Ông L, bà Đ có nghĩa vụ liên đới chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 217, Điều 218, Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 288, Điều 357, Điều 463, Điều 466, Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 27 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; điểm c khoản 1 Điều 11, Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Đình chỉ giải quyết một phần yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng C đối với yêu cầu ông L, bà Đ liên đới trả số tiền vay 4.000.000 đồng (khoản vay theo chương trình nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn). Ngân hàng C có quyền khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết lại đối với số tiền vay 4.000.000 đồng (khoản vay theo chương trình nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn) theo quy định của pháp luật.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng C đối với yêu cầu ông L, bà Đ liên đới trả số tiền vay theo chương trình hộ nghèo về nhà ở (8.000.000 đồng) và tiền vay theo chương trình hộ mới thoát nghèo (50.000.000 đồng).

Buộc ông L và bà Đ có nghĩa vụ liên đới trả cho Ngân hàng C số tiền gốc là 58.000.000 đồng (trong đó số tiền gốc khoản vay hộ nghèo về nhà ở là 8.000.000 đồng, số tiền gốc khoản vay hộ mới thoát nghèo là 50.000.000 đồng) và tiền lãi là 1.738.387 đồng (trong đó số tiền lãi khoản vay hộ nghèo về nhà ở

là 45.305 đồng, số tiền lãi khoản vay hộ mới thoát nghèo là 1.693.082 đồng). Tổng cộng tiền gốc và tiền lãi là 59.738.387 đồng.

Ngoài ra, ông L, bà Đ còn có nghĩa vụ liên đới trả cho Ngân hàng C số tiền lãi phát sinh kể từ ngày 01/4/2021 cho đến khi trả hết số tiền nợ gốc theo mức lãi suất thỏa thuận đối với từng món vay thể hiện trên sổ lưu tờ rời theo dõi cho vay - thu nợ - dư nợ trên số tiền nợ gốc còn lại (Món vay hộ nghèo về nhà ở: mã món vay số 6000005400126543, Món vay hộ mới thoát nghèo: mã món vay số 6600000715462652).

Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ngân hàng C không phải nộp tiền tạm ứng án phí, không phải chịu án phí.

Ông L, bà Đ có nghĩa vụ liên đới chịu 2.986.919 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND huyện Tân Thạnh;
- Chi cục THADS huyện Tân Thạnh;
- TAND tỉnh Long An;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đặng Nguyễn Phương Chi